TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2025/QĐST-DS	*Nghệ An, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 26, 48, 212, 213 và Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 275, 280, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1957

Trú tại: Xóm Đồng Tâm A, xã N, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trương Văn K1, sinh năm 1986

Trú tại: xóm Đ, xã N, tỉnh Nghệ An

Theo giấy ủy quyền lập ngày 02/10/2025, tại văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc O, số công chứng 3760/2025/CCGD.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1990

Trú tại: Xóm Đồng Tâm A, xã N, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà Trần Thị K tổng số tiền là 151.760.000 đồng (một trăm năm mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), nợ lãi số tiền là 71.760.000 đồng (bảy mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo giấy vay tiền ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ thỏa thuận chịu 1.897.000 đồng (một triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí DSST.

Bà Trần Thị K thỏa thuận chịu 1.897.000 đồng (một triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí DSST nhưng bà K được miễn tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Văn Diên